TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:313/ 2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 21 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 486/2026/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 06 năm 2026, về việc : "*Xin ly hôn*" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày: 28/5/1996;
Địa chỉ: Tổ A, Khu V(nay thuộc tổ dân phố G), phường Q, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Nguyễn Ngọc Â, sinh ngày 06/11/1996
*Đ*ịa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai, nay thuộc Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 07 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 28/5/1996; Địa chỉ: Tổ A, tổ dân phố G, phường Q, tỉnh Gia Lai với anh Nguyễn Ngọc Â, sinh ngày 06/11/1996; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ nuôi con chung: Chị T và anh Â thống nhất giao con chung tên là Nguyễn Nữ An N, sinh ngày 09/01/2024 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng chị T. Về cấp dưỡng: Anh Â có nghĩa vụ cấp dường nuôi con mỗi tháng 3.000.000d, thời gian bắt đầu tính từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Â không yêu cầu gải quyết tài sản chung. Phần nợ chung: không có nợ chung nên Toà không xét.

-Về án phí HGT: Chị T tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn Và 150.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006842, ngày 24/06/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Gia Lai được khấu trừ vào án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các bên đương sự;
-VKSND Khu vực 2- Gia Lai ;
-Phòng THADS Khu vực 2- tỉnh Gia Lai ;
-Phòng TT- KTNV- THAHS TAND tỉnh Gia Lai;
-UBND xã Tuy Phước Bắc (Phước Quang cũ)
Số 73, ngày 09/5/2023)
-Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bích Thủy